

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10-8-2023

V/v "Ly hôn, con chung, chia tài sản chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trứ

Ông Nguyễn Văn Bào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- **Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:**
Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp "Ly hôn, con chung, chia tài sản chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2023 giữa các đương sự;

-*Nguyên đơn:* Chị Hoàng Kim C, sinh năm 1990 (có mặt)

-*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Đều cư trú: thôn Cẩm Hoàng, xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

-Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1962 (vắng mặt)

-Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Đều cư trú: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện** đề ngày 24/02/2023, bản tự khai và biên bản lấy lời khai tiếp theo, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Hoàng Kim C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn Q ngày 13/10/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang,

kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay và ở chung cùng gia đình đến năm 2016 thì vợ chồng ở riêng. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Quang hay uống rượu, đi qua đêm, về nhà nói xúc phạm. Chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống ở từ tháng 2 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn anh Quang.

- Về con chung: Chị xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Hùng Sơn, sinh ngày 21/10/2010; cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 12/5/2014; hai cháu đang ở với anh chị. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ ở thì 2 cháu đang ở với anh Quang. Khi ly hôn chị xin được nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh Quang cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Nếu như không được nuôi hai con chung thì chị xin được nuôi cháu Nguyễn Hùng Sơn, sinh ngày 21/10/2010.

- Về tài sản chung: Chị yêu cầu xem xét giải quyết ngôi nhà 03 tầng của vợ chồng, chị xin được lấy tiền là 250.000.000 đồng. Chị xác định khi xây nhà thì tiền xi, tiền cát, tiền cầu thang do vợ chồng chị trả cho việc xây nhà tổng khoảng 600.000.000 đồng, việc trả tiền do 2 vợ chồng đứng ra trả, các chứng cứ mua nguyên vật liệu để xây nhà thì chị xác định không có chứng cứ xuất trình.

Khi xây dựng ngôi nhà thì chị xác định tiền nuôi thợ do hai vợ chồng bỏ tiền ra để mua thức ăn, chị đi làm thì anh Quang là người chủ yếu đi chợ mua thức ăn, hàng tháng tiền thức ăn nuôi cả nhà và công thợ khoảng 9.000.000 đồng, chị xác định đưa tiền cho anh Quang tổng số tiền khoảng 300.000.000 đồng.

Trong thời gian chung sống với bố mẹ chồng thì hàng tháng chị đưa cho bố mẹ chồng khoảng 1 triệu đến 1.500.000 đồng tiền ăn, đưa từ khi về làm dâu đến năm 2014 ở riêng nhưng cùng nhà bố mẹ chồng, đến cuối năm 2016 thì hai vợ chồng ở trên ngôi nhà 03 tầng hiện nay đang ở. Tiền sắm sửa nội thất trong gia đình chủ yếu chị là người bỏ tiền ra mua, nhưng chị không yêu cầu chia các tài sản trên. Trong thời gian chung sống thì thu nhập của chị cao hơn anh Quang, thu nhập của chị hàng tháng 10 triệu/tháng từ năm 2009 đến năm 2020, đến năm 2011 đến năm 2014 thì đi học cuối tuần, nhưng vẫn đi làm công ty, tiền đi học hết 2 triệu đồng/năm, tiền xin việc thì không mất tiền, đến tháng 9 năm 2020 thì đi làm giáo viên mầm non, thu nhập khoảng 5 triệu đồng/tháng. Còn anh Quang làm mộc nhưng sau đó thua lỗ, hiện nay anh Quang làm nghề tự do (đánh cá).

Trong quá trình xây nhà, thì bố mẹ chồng có hỗ trợ khoảng 40 triệu tiền sắt. Việc ông Nhữ nói đứng ra mua nguyên vật liệu là không đúng, người mua nguyên vật liệu chủ yếu là anh Quang gọi, còn chị là người trả tiền.

-Về công nợ, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Cúc có mặt, chị xin được ly hôn, con chung chị xin được nuôi cả 02 con chung và đồng ý anh Quang cấp dưỡng mức 3.000.000 đồng/1

tháng/2 con chung (mỗi con chung 1.500.000 đồng/tháng) từ tháng 9 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chị đồng ý chia làm 4 gồm ông Nhỡ, bà Quý, anh Quang và chị. Chị xin được trích chia bằng tiền và không có nguyện vọng lưu cư vì hiện nay chị đang ở nhà bố mẹ đẻ chị.

*Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Hoàng Kim C ngày 13/10/2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu nhau trước khi kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng anh về chung sống với nhau ngay và ở chung cùng gia đình đến năm 2016 thì vợ chồng ở riêng. Trong quá trình chung sống thì cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì, anh chỉ đi qua đêm 1 hôm, có 1 hôm say rượu. Hiện nay chị Cúc đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống ở từ tháng 2 cho đến nay, trong thời gian chị Cúc về nhà mẹ đẻ thì anh có đến nói chuyện đón về nhà nhưng chị Cúc không về. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Cúc xin ly hôn thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Hùng Sơn, sinh ngày 21/10/2010; cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 12/5/2014; hai cháu đang ở với bố mẹ, khi chị Cúc về nhà bố mẹ đẻ ở thì 2 cháu đang ở với anh. Khi ly hôn chị Cúc xin được nuôi cả hai con chung, yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con là 1.500.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi thì anh đồng ý để cho chị Cúc nuôi cả hai con chung và anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh làm nghề tự do, thu nhập hàng tháng trung bình 10.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị Cúc yêu cầu xem xét giải quyết ngôi nhà 03 tầng của vợ chồng, xin được lấy tiền là 250.000.000 đồng thì anh không đồng ý vì anh xác định ngôi nhà này do bố mẹ anh xây, chưa nói cho vợ chồng anh, bố mẹ anh chỉ nói cho ở nhờ. Trong việc bố mẹ anh xây dựng ngôi nhà trên thì anh và chị Cúc không có đóng góp bằng tiền, mà chỉ có tham gia được vài buổi sách vở và phụ hồ.

-Về công nợ, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa hôm nay anh Quang vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Nh và bà Nguyễn Thị Q trình bày:

Khi xây dựng ngôi nhà trên thì vợ chồng ông bà đứng ra xây và xây trên đất của vợ chồng ông bà, hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn Nh. Ông Nhỡ và bà Quý xác định anh Quang và chị Cúc không đóng góp đồng nào, chị Cúc có tham gia cầu gạch được vài buổi, anh Quang cũng tham gia được vài buổi, còn không tham gia nhiều. Khi vợ chồng ông bà xây ngôi nhà chỉ bảo vợ chồng anh Quang ở riêng, còn không nói là cho.

Các tài sản của anh chị sắm sửa thì yêu cầu anh chị lấy lại, còn đồ đạc của ông bà sắm thì để lại và trả lại nhà cho vợ chồng ông.

Nay chị Cúc yêu cầu chia tài sản ngôi nhà trên là của vợ chồng chị, thì vợ chồng ông không đồng ý vì ông xác định đây là ngôi nhà do vợ chồng tôi xây dựng. Còn chị Cúc và anh Quang có công sức nhưng không đáng kể, vì tham gia làm chỉ được vài buổi. Các chứng cứ để mua nguyên vật liệu thì ông bà không có chứng cứ chứng minh.

Tại phiên tòa ông Nhỡ và bà Quý vắng mặt:

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thư ký, Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 165; khoản 2 Điều 227; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; khoản 2 - Điều 82; Điều 83; Điều 61 - Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 212 - Bộ luật dân sự

Điểm d khoản 1 Điều 12; Điểm a, b khoản 5; khoản 6; khoản 7 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hùng Sơn, sinh ngày 21/10/2010; cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Hoàng Kim C trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Hùng Sơn, sinh ngày 21/10/2010; cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 12/5/2014 là 3.000.000 đồng/ tháng/2 cháu (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) kể từ tháng 9 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung:

Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị Q được quyền sở hữu 01 ngôi nhà 03 tầng và 01 mái tôn trên thửa đất số 11, tờ bản đồ số 69, diện tích 457.5m² tại Thôn C, xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trích chia cho chị Cúc số tiền 155.898.250 đồng. Chị Cúc được nhận 155.898.250 đồng do ông Nh, bà Quý trích chia.

Đối với phần của anh Quang được hưởng 155.898.250 đồng do anh Quang không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này anh Quang yêu cầu thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Cúc phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn

6. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá và đo đạc: Tổng chi phí xem xét, thẩm định, định giá và đo vẽ thửa đất là 2.861.000 đồng. Chị Cúc xin chịu cả số tiền trên.

7. Các đương sự phải chịu án phí chia tài sản, ông Nh được miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Về quyền kháng cáo các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa chị Hoàng Kim C và anh Nguyễn Văn Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Quang có nơi cư trú: Thôn C, xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên là có căn cứ.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Kim C, Hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hoàng Kim C và anh Nguyễn Văn Q xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, hai bên xác định có đăng ký kết hôn ngày 13/10/2009, có đăng ký tại UBND xã X, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp (Theo Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình). Qua xác minh tại địa phương và căn cứ vào trình bày của hai bên, Hội đồng xét xử, xét thấy chị Cúc và anh Quang sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng trong việc làm ăn. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được gia đình hai bên và vợ chồng tự hòa giải nhưng không thành. Năm 2022 chị Cúc đã làm đơn ly hôn 1 lần và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09/6/2022, vợ chồng về cải thiện tình cảm vợ chồng, tuy nhiên không cải thiện được đến nay chị lại có đơn xin ly hôn lần 2. Nay chị Cúc xác định tình cảm vợ chồng không còn và có đơn xin ly hôn, anh Quang cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Cúc xin ly hôn thì anh đồng ý. Như vậy, xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời

sống chung của chị Cúc và anh Quang không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Chị Cúc và anh Quang đều xác định có 02 con chung là cháu Nguyễn Hùng Sơn, sinh ngày 21/10/2010; cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 12/5/2014. Khi ly hôn chị Cúc và anh Quang thỏa thuận để chị Cúc tiếp tục nuôi dưỡng cả 02 con chung. Xét thấy nguyện vọng của hai con chung và sự thỏa thuận, điều kiện nuôi dưỡng của hai bên. Do vậy, cần giao cả 02 con chung cho chị Hoàng Kim C trực tiếp nuôi dưỡng, anh Quang có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Cúc là 3.000.000 đồng/1 tháng/ 2 cháu (mỗi cháu 1.500.000 đồng) từ tháng 9 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định tại các Điều 81, khoản 2 -Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung: Chị Cúc chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết tài sản đối với 01 ngôi nhà xây trên đất của bố mẹ chồng, còn đất và các tài sản khác trong gia đình chị không yêu cầu giải quyết. Chị xác định trong thời gian chung sống vợ chồng chị tạo dựng được 01 ngôi nhà 03 tầng của vợ chồng, chị xin được lấy tiền là 250.000.000 đồng. Chị xác định công sức đóng góp của chị nhiều hơn. Còn anh Quang và ông Nhỡ, bà Quý xác định ngôi nhà này là do ông Nhỡ và bà Quý đứng ra xây và xây trên đất của ông bà, chỉ cho vợ chồng anh chị ở, chứ chưa nói cho, và không đồng ý chia. Tại phiên tòa chị Cúc đồng ý chia ngôi nhà cho 4 người gồm ông Nhỡ, bà Quý, anh Quang và chị.

[3.4] Về giá trị tài sản trên đất:

- 01 ngôi nhà 03 tầng có giá $4.900.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 \times 208.78\text{m}^2 \times 60\% = 613.813.000 \text{ đồng}$.

- 01 mái tôn có giá $690.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 \times 20.25\text{m}^2 \times 70\% = 9.780.000 \text{ đồng}$.
Tổng giá trị tài sản trên đất là 623.593.000 đồng

[3.5] Về nguồn gốc thửa số 11, tờ bản đồ số 69, diện tích 457.5m^2 tại Thôn C, xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thấy: hiện nay đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2014, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CH 01075 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Nh. Về nguồn gốc đất thì các bên xác định là của bố mẹ anh Quang, chị Cúc không yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.6] Về công sức tu tạo tài sản trên đất và nguyện vọng trích chia tài sản bằng tiền của nguyên đơn thì thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Cúc trình bày ngôi nhà này là do 2 vợ chồng chị đứng ra xây và chị xin được chia lấy bằng tiền là 250.000.000 đồng, còn anh Quang, vợ chồng ông Nhỡ và bà Quý xác định do ông bà đứng lên xây để cho vợ chồng chị Cúc và anh Quang ở và không đồng ý chia. Ông Nhỡ trình bày ông là người đứng ra mua nguyên vật liệu xây dựng và tổng số tiền xây dựng ngôi nhà hết khoảng 290.000.000 đồng. Chị Cúc trình bày vợ chồng chị là người đứng ra mua nguyên vật liệu xây dựng và tiền đi chợ mua thức ăn nuôi công thợ, tổng số tiền khoảng 600.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Trong thời gian chung sống thì vợ chồng chị Cúc và anh Quang vẫn chung hộ khẩu của gia đình, chưa tách khẩu. Thời gian đầu sau khi kết hôn năm 2009 thì vợ chồng chị Cúc và anh Quang ở cùng bố mẹ chồng đến cuối năm 2016 thì ở riêng. Trong thời gian

chung sống thì chị Cúc có đóng góp tiền cho bố mẹ chồng hàng tháng khoảng 1 triệu đến 1.500.000 đồng tiền ăn, đến cuối năm 2016 thì vợ chồng ở riêng thì không đóng góp nữa. Năm 2018 thì cả chị Cúc, anh Quang, ông Nhữ, bà Quý đều xác định có xây ngôi nhà 03 tầng như hiện nay. Mặc dù các bên đưa ra ý kiến của mình, nhưng không bên nào có chứng cứ, chứng minh cho việc mình đứng ra xây và không chứng minh được số tiền đóng góp trong việc xây nhà, mà chỉ trình bày bằng lời nói. Xét tại thời điểm xây dựng ngôi nhà trên thì trong gia đình gồm có ông Nhữ, bà Quý, anh Quang và chị Cúc là 4 lao động chính, nên xác định ngôi nhà là tài sản thuộc sở hữu chung của các thành viên gia đình. Theo kết quả định giá ngày 21/6/2023 thì tổng tài sản ngôi nhà 03 tầng và 01 mái tôn có giá 623.593.000 đồng : 4 người = 155.898.250 đồng. Hiện nay tài sản xây trên đất của vợ chồng ông Nhữ. Anh Quang không yêu trích chia tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do vậy, xét cần giao ngôi nhà 03 tầng và 01 mái tôn xây dựng trên đất cho ông Nhữ và bà Quý sở hữu nhưng ông Nhữ, bà Quý phải có nghĩa vụ trích chia cho chị Cúc số tiền 155.898.250 đồng là phù hợp theo quy định Điều 212 - Bộ luật dân sự và Điều 61 - Luật hôn nhân và gia đình.

Chị Cúc, anh Quang không có nguyện vọng lưu cư nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.7] Về công nợ, ruộng đất: Hai bên không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.8] Về chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản: Tổng chi phí xem xét, thẩm định, định giá và đo vẽ hai thửa đất là 2.861.000 đồng. Chị Cúc xin chịu cả số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.9] Về án phí:

Chị Cúc phải chịu án phí ly hôn theo quy định. Chị Cúc, ông Nhữ, bà Quý phải chịu án phí chia tài sản tương ứng với giá trị tài sản được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 147 của bộ luật tố tụng dân sự và điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng chị Cúc được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nhữ được miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi.

Anh Quang phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[3.10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ 56; Điều 81; Khoản 2 - Điều 82; Điều 83; Điều 61 - Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 212 - Bộ luật dân sự

Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điểm a, b khoản 5; khoản 6; khoản 7 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Kim C được ly hôn anh Nguyễn Văn Q;

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hùng Sơn, sinh ngày 21/10/2010; cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 12/5/2014 cho chị Hoàng Kim C trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con:

Anh Nguyễn Văn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với cháu Nguyễn Hùng Sơn, sinh ngày 21/10/2010; cháu Nguyễn Hoàng Gia Bảo, sinh ngày 12/5/2014 3.000.000 đồng/tháng/2 cháu (mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng) kể từ tháng 9 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con sau khi ly hôn không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về tài sản chung:

Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị Q được quyền sở hữu tài sản trên đất gồm 01 ngôi nhà 03 tầng và 01 mái tôn trên thửa đất số 11, tờ bản đồ số 69, diện tích 457.5m² tại Thôn C, xã X, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Ông Nguyễn Văn Nh, bà Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trích chia cho chị Hoàng Kim C số tiền 155.898.250 đồng. Chị Hoàng Kim C được nhận 155.898.250 đồng do ông Nhỡ và bà Quý trích chia.

Đối với phần của anh Nguyễn Văn Q được hưởng số tiền 155.898.250 đồng do anh Quang không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này anh Nguyễn Văn Q yêu cầu thì sẽ giải quyết trong vụ án khác.

5. Về án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng.

- Về án phí ly hôn: Chị Hoàng Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002621 ngày 05/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Hoàng Kim C đã nộp đủ án phí ly hôn.

- Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

6. Về án phí chia tài sản:

- Ông Nguyễn Văn Nh và Nguyễn Thị Q phải có nghĩa vụ liên đới chịu 15.589.825 đồng án phí chia tài sản (mỗi người phải chịu 7.794.913 đồng). Nhưng ông Nhỡ được miễn án phí đối với phần của ông là 7.794.913 đồng do thuộc đối tượng người cao tuổi. Bà Nguyễn Thị Q phải chịu 7.794.913 đồng án phí chia tài sản được hưởng.

- Chị Hoàng Kim C phải chịu 7.794.913 đồng án phí chia tài sản, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng theo biên lai số 0002678 ngày 04/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Chị Hoàng Kim C còn phải nộp thêm số tiền 1.544.913 đồng.

7. Về chi phí xem xét, thẩm định, định giá và đo đạc hết 2.861.000 đồng. Chị Hoàng Kim C xin chịu cả số tiền trên. Xác nhận chị Hoàng Kim C đã nộp đủ.

8. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án.

9. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

10. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- CCTHADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Sự

